TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thi Hồng T, sinh năm 1991; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: 253 đường số C, tổ B, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: 1 L, phường L, Quận L, thành phố Hải Phòng. (nay là phường A, TP Hải Phòng).

- ***Bị đơn***: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1988; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B đường số C, tổ B, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông V chung sống với nhau vào năm 2010. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2010, ngày 31/8/2010 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại tổ B, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, mâu thuẫn liên quan đến tình cảm không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau. Cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nên bà T và ông V đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Khi ly thân vợ chồng không qua lại, chăm sóc lẫn nhau.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống không còn hạnh phúc. Nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông V có 04 con chung gồm: Trần Thanh Q, sinh ngày 11/3/2009; Trần Thị Diễm M, sinh ngày 17/10/2012; Trần Thanh Q1, sinh ngày 01/7/2018 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/4/2021. Cả 04 cháu đều đang ở với ông V nên bà T đề nghị ông V trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông V và bà T chung sống với nhau vào năm 2010. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2010, ngày 31/8/2010 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại tổ B, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên qua thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau. Cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Khi ly thân vợ chồng không qua lại, chăm sóc lẫn nhau, các con vẫn ở với ông V.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống không còn hạnh phúc. Nên ông V đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông V và bà T có 04 con chung gồm: Trần Thanh Q, sinh ngày 11/3/2009; Trần Thị Diễm M, sinh ngày 17/10/2012; Trần Thanh Q1, sinh ngày 01/7/2018 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/4/2021. Cả 04 cháu đều đang ở với ông V nên ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Minh V1 nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông V1 có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông V1 chung sống với nhau vào năm 2010. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2010, ngày 31/8/2010 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại tổ B, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, TP Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, mâu thuẫn liên quan đến tình cảm không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau. Cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nên bà T

và ông V1 đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Khi ly thân vợ chồng không qua lại, chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông V1 xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông V1 đồng ý.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông V1 là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V1.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông V1 có 04 con chung gồm: Trần Thanh Q, sinh ngày 11/3/2009; Trần Thị Diễm M, sinh ngày 17/10/2012; Trần Thanh Q1, sinh ngày 01/7/2018 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/4/2021. Cả 04 cháu đều đang ở với ông V1 từ năm 2021 cho đến nay, nên bà T đề nghị ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Ông V1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2021 cho đến nay, các cháu vẫn ở với ông V1, được ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với ông V1. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T và ông V1, giao 04 con chung cho ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông V1 không yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng T ly hôn ông Trần Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thanh Q, sinh ngày 11/3/2009; Trần Thị Diễm M, sinh ngày 17/10/2012; Trần Thanh Q1, sinh ngày 01/7/2018 và Trần Thanh D, sinh ngày 28/4/2021 cho ông Trần Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông V không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003887, ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự T2). Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 13;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Điền;
(GCNKH số 047/2010, ngày 31/8/2010 t UBND xã Tam Phước);
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình